

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Xuân Lãnh; ông Hà Minh Châu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Thân Văn Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020, về “Tranh chấp ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐXX-ST ngày 12 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1999; trú tại: Ấp 7, xã SD, huyện TC, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Lin, Wei-L**, sinh năm 1980; trú tại: Số 202/13/45, lộ DQ, khóm 012, phường DQu, khu BK, thành phố TB, lãnh thổ Đài Loan (Trung Quốc); vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị M trình bày:*

Chị và anh Lin,Wei-L kết hôn vào ngày 20-9-2019, có giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân huyện TCh, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 20-9-2019. Sau khi kết hôn, anh Lin, Wei-L về Đài Loan từ đó đến nay, chị và anh Lin, Wei-L không liên lạc với nhau. Hiện tại vợ chồng không còn sống chung, đời sống vợ chồng không hòa hợp, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị M yêu cầu được ly hôn với anh Lin,Wei-L.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị M xác định không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn – anh Lin, Wei-L:* Là người có quốc tịch Trung Quốc (lãnh thổ Đài Loan), Tòa án đã ủy thác tư pháp để thu thập lời khai; thông báo ngày mở phiên hòa giải; phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ; ngày xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự Việt Nam nhưng anh Lin, Wei-L vắng mặt không lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục phiên tòa dân sự. Trong quá trình tham gia tố tụng đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M; cho chị Nguyễn Thị M ly hôn với anh Lin,Wei-L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

#### **[1] Về tố tụng:**

Chị Nguyễn Thị M có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị M.

Anh Lin,Wei-L đã được Tòa án ủy thác tư pháp, tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Lin,Wei-L.

**[2]** Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M đối với ông Anh Lin,Wei-L, thấy rằng:

Về hôn nhân giữa chị M và anh Lin,Wei-L là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh Lin, Wei-L về Đài Loan từ đó đến nay, chị M và anh Lin, Wei-L không liên lạc với nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị M với anh Lin,Wei-L không hòa hợp, vợ chồng không còn sống chung, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị M yêu cầu ly hôn với anh Lin,Wei-L là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

*Về con chung, tài sản chung, nợ chung:* Chị M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

**[3]** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, cho chị M ly hôn với anh Lin,Wei-L là có căn cứ nên cần chấp nhận.

#### **[4] Về chi phí tố tụng khác:**

Chị M phải chịu 200.000 đồng tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định tại Điều 44 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**[5]** Về án phí sơ thẩm: Chị M là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 238, điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27, Điều 44 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M đối với anh LinWei-L.
2. Cho chị Nguyễn Thị M ly hôn với anh Lin,Wei-L.
3. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị M xác định không có nên không đặt ra giải quyết.

**4. Về chi phí tố tụng khác:**

Chị Nguyễn Thị M phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng chi phí ủy thác tư pháp, được trừ vào 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0001468 ngày 19 tháng 11 năm 2020, của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

**5. Về án phí sơ thẩm:** Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0001455 ngày 16 tháng 11 năm 2020, của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

**6. Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, theo thời hạn như sau:**

Chị Nguyễn Thị M được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Anh Lin,Wei-L được kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, theo quy định tại khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND. TTN;
- Cục THADS. TTN;
- Sở Tư pháp Tây Ninh;
- Phòng KTNV. TAT;
- Những người TGTT;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án DSST.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quốc Tuấn**

